| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HÒA BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **16/**2022/DS-PT
Ngày: 26/8/2022
V/v Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Bạch Thị Hồng Hoa.

Bà Nguyễn Thị Dụ.

**- Thư ký phiên tòa**: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa**: Bà Hà Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 09/2022/TLPT-DS ngày 24/3/2022 về Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1959. Có mặt.
2. Ông Bùi Văn N, sinh năm 1963. Có mặt
3. Chị Phan Thị H, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

**Bị đơn:**

1. Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1983. Có mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Lê Văn Tr. Có mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Anh Lê Văn Tr, sinh năm 1974. Có mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3. Ông Hoàng Văn L. Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trịnh Thu H1, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền cho chị M: Anh Lê Văn Tr. Có mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

**Người làm chứng:**

1. Ông Bùi Văn R. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm C, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

2. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1952. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm C, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3. Ông Nguyễn Văn T. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 11, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

4. Bà Chu Thị H. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

5. Bà Hoàng Thị Đ. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

6. Bà Nguyễn Thị T. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

7. Ông Dương Tấn T. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

8. Ông Nguyễn Văn H. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm R, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

9. Anh Phạm Quang Đ. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

10. Chị Sỹ Thị N. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

11. Anh Kiều Doãn Đ. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

12. Chị Kiều Thị N. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

13. Chị Lương Thị G. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
14. Bà Mai Thị G. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
15. Ông Trần Văn P. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
16. Bà Nguyễn Thị M. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
17. Bà Lương Thị V. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
18. Chị Bùi Thị L. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
19. Ông Bùi Đăng L. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
20. Ông Nguyễn Công C. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
21. Ông Nguyễn Thành K. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
22. Ông Nguyễn Văn B. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
23. Ông Phạm Quang Đ. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
24. Ông Ngô Thế L. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
25. Ông Mã Tấn H, sinh năm 1979. Vắng mặt.
Trú tại : Xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.
26. Chị Phạm Thị P, sinh năm 1978. Vắng mặt.
Trú tại: tổ 2, khu C, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội.
27. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1984. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
28. Anh Đinh Văn T, tên thường gọi là H. Vắng mặt.
Trú tại: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.
29. Anh Cao S. Vắng mặt.
Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.
30. Anh Cù Ngọc T. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

31. Bà Lưu Thị T. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

32. Anh Vũ H, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Theo đơn khởi kiện và tại các lời khai trong quá trình tố tụng các nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, ông Bùi Văn N, chị Phan Thị H trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Nh, ông Bùi Văn N trình bày: Năm 2003 gia đình ông bà có nhận khoán của Nông trường C 03 thửa đất liền thổ tại Tiểu khu 1, thị trấn L, L, Hoà Bình. Đến năm 2004 thì UBND huyện L có Quyết định thu hồi toàn bộ thửa đất này để quy hoạch làm khu tái định cư sân gôn L. Sau khi có quyết định thu hồi đất, huyện chi trả tiền đền bù và tiến hành san ủi mặt bằng, phân lô cho các hộ dân thuộc diện tái định cư. Tuy nhiên quá trình giải phóng mặt bằng do có khiếu nại của một số hộ dân về giá cả đền bù nên việc giải quyết chưa dứt điểm, vì vậy khu tái định cư thành dự án treo bị bỏ hoang, không có hộ dân nào vào định cư. Đến năm 2010 gia đình ông bà vào khu đất đó làm một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất cạnh khu tái định cư. Năm 2011 thấy cạnh nhà có khu đất tái định cư bỏ hoang nên gia đình ông bà quay lại diện tích đất mà gia đình ông bà bị thu hồi trước đó để canh tác và trồng cây keo. Cuối năm 2012 ông bà và chị H chung nhau trồng keo, chị H góp vốn 10.000.000 đồng, các bên thỏa thuận: sau này keo lớn cho thu hoạch, trừ chi phí còn bao nhiêu thì chia đôi. Diện tích vườn keo khoảng 01ha. Vườn keo của ông bà có tứ cận tiếp giáp với các hộ sau: Phía Tây Bắc giáp vườn keo của hộ anh Cao S; phía Tây Nam có chiều dài khoảng 20m giáp với nhà Th; phía Nam giáp nhà L đã xây mốc giới; phía Đông giáp đường đi vào khu tái định cư. Vợ chồng ông bà trồng keo làm 2 đợt, đợt 1 trồng vào thời gian giữa tháng 12/2012 (âm lịch), trồng khoảng một tuần, do vào dịp tết nên nghỉ. Đến ngày mùng 4 tết ông bà tiếp tục trồng đợt 2, thời gian mất khoảng một tuần mới xong. Ông bà trồng hết khoảng 1.500 cây giống. Những người tham gia trồng keo gồm: vợ chồng ông bà, anh T, anh R, bà L trồng thuê cho ông bà. Ông bà mua cây giống của chị P ở X; mua phân thuốc trừ sâu của nhà L (Tiểu khu 1), anh L (Tiểu khu 4), anh T (Th, xã Đ, huyện C).

Vườn keo vợ chồng ông bà tự chăm sóc không thuê ai, không nhờ vợ chồng anh Trịnh Văn H, vợ chồng chị gái anh H trồng hay chăm sóc. Quá trình trồng thì có vợ chồng anh H hay sang xem ông bà trồng cây nên hàng xóm nghĩ

anh H trồng keo cùng. Sau khi trồng keo xong, ông bà không thuê vợ chồng chị Trịnh Thu H tưới nước cho keo. Chỉ có năm 2013 ông bà có nhờ chị H chở giúp vợ chồng ông bà 04 can nước đổ vào bể nhà ông bà để lấy nước sinh hoạt, do thời điểm đó cả khu ông bà ở không có nước. Năm 2014 vợ chồng ông bà bán nhà cho vợ chồng anh Trịnh Văn H.

Tại thời điểm ông bà trồng keo thì xung quanh vườn keo của ông bà đã có người trồng rồi, các hộ như anh Cao S, anh T đã trồng keo.

Lợi dụng gần vườn keo, gia đình anh H thường xuyên phá hoại, trộm cắp. Sau đó anh H bán vườn keo của gia đình ông bà cho anh Lê Văn Tr ở tiểu khu 2, thị trấn L, anh H bán keo của ông bà làm nhiều lần. Cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 23/9/2017, chị M (vợ anh H), bà Th (mẹ anh H), chị H (chị gái anh H) chặt trộm 06 cây keo trị giá 03 triệu. Công an Tiểu khu 2 đã đến lập biên bản.

Lần thứ hai vào ngày 18/01/2018, anh H chặt phá khoảng 100 cây keo loại đường kính từ 3-10 cm. Đến ngày 13/7/1018 Công an huyện L gồm có anh Ch, anh T xác minh lại hiện trường và lập biên bản. Keo bị phá lần này trị giá 20.000.000 đồng.

Lần thứ ba ngày 13/7/2018, anh Trịnh Văn H đã bán toàn bộ vườn keo cho anh Lê Văn Tr ở tiểu khu 2, thị trấn L. Tại hiện trường anh Đỗ Quang S – công an huyện L đã lập biên bản 52 cây keo bị chặt phá đường kính từ 10-30cm, trị giá 30.000.000 đồng.

Lần thứ tư ngày 26/8/2018, anh Trịnh Văn H và anh Lê Văn Tr tiếp tục khai thác khoảng 50 cây keo, các ban nghành UBND thị trấn L đã lập biên bản tại hiện trường. Lần này thiệt hại khoảng 50.000.000 đồng; Ngày 31/8/2018 Trịnh Văn H chặt phá khoảng 100 cây keo; Ngày 07/9/2018 H và Tr khai thác toàn bộ vườn keo khoảng 01 ha gồm khoảng 1000 cây keo các loại. Cơ quan liên nghành của UBND thị trấn L đã tiến hành lập biên bản tại hiện trường. Tại vườn còn sót lại khoảng 100 cây keo, ngày 20/11/2018 ông bà đã bán số keo này cho anh T ở tiểu khu 02, thị trấn L. Hiện nay trong vườn còn khoảng 8 cây. (Quá trình giải quyết bà Nh, ông N  xác định số keo bị thiệt hại là 1.307 cây).

Chị Phan Thị H trình bày: Năm 2012 bà Nh có rủ chị trồng chung keo trên mảnh đất khoảng 1ha của bà Nh tại Tiểu khu 2, thị trấn L. Chị không trực tiếp trồng cây mà chỉ góp 10.000.000 đồng cho bà Nh. Tổng số cây trồng là 1.500 cây. Toàn bộ việc thuê người trồng cây, làm cỏ, bón phân, tỉa cành, chăm sóc đều do vợ chồng bà Nh làm. Chúng tôi thoả thuận sau này keo lớn thì bán lấy

tiền chia nhau mỗi người một nửa. Đến năm 2018 anh H và anh Tr khai thác trái phép toàn bộ vườn keo của chúng tôi. Chị H xác định số keo bị khai thác là 1.307 cây.

Nay bà Nh, ông N, chị H khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết xác định vườn keo là của mình. Yêu cầu anh Trịnh Văn H phải bồi thường cho các ông bà số tiền 200.000.000 đồng vì các ông bà tính giá keo thị trường và keo lớn vài năm nữa mới thu hoạch, chứ không bán keo non, sau đó các ông bà lại thay đổi yêu cầu anh H bồi thường số tiền 400.000.000 đồng. Yêu cầu anh Lê Văn Tr phải bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng vì anh Tr biết rõ vườn keo các ông bà trồng mà lại thông đồng, câu kết giả vờ mua bán với Trịnh Văn H để chiếm đoạt tài sản của ông bà, làm thiệt hại tài sản, tinh thần của các ông bà.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nh đã có đơn khởi kiện bổ sung khởi kiện ông Hoàng Văn L - chủ tịch UBND thị trấn L người đã ký giấy phép khai thác keo cho anh Trịnh Văn H ngày 08/5/2018, để khai thác vườn keo đang tranh chấp với bà. Yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Văn L phải bồi thường thiệt hại về danh dự uy tín và tinh thần là 30.000.000 đồng. Vì sau khi cướp được vườn keo, anh H đã sỉ nhục các ông bà,làm mất danh dự uy tín, ảnh hưởng tinh thần của các ông bà; Bồi thường thiệt hại về hao tổn sức khỏe, thời gian tiền bạc trong vòng 02 năm kiện cáo, đi lại không làm ăn được là 30.000.000 đồng; Bồi thường thiệt hại vì làm gián đoạn vụ keo kế tiếp làm chúng tôi mất nguồn thu nhập là 20.000.0000 đồng. Tổng cộng ông L phải bồi thường cho bà Nh số tiền 80.000.000 đồng

Tại phiên tòa, các nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

- Xác định vườn keo là của nguyên đơn. Yêu cầu anh Trịnh Văn H phải bồi thường số tiền keo đã khai thác là 372.495.000 đồng (Cụ thể: chia tổng số keo đang tranh chấp: 1.307 cây thành hai phần: một phần hai là những cây keo có đường kính 10 cm nhân với giá 175.000 đồng/cây (653,5 cây x 175.000đ/cây =114.362.500 đồng), một phần hai là những cây keo có đường kính 30cm nhân với giá 395.000.000 đồng/cây (653,5 x 395.000đ/cây = 258.132.500 đồng) theo đơn giá bồi thường của UBND tỉnh Hòa Bình năm 2019.

- Yêu cầu anh Lê Văn Tr bồi thường thiệt hại tinh thần, danh dự nhân phẩm là 20.000.000 đồng.

- Yêu cầu ông Hoàng Văn L - Chủ tịch thị trấn L phải bồi thường tiền tổn thất về tài sản và tinh thần là 20.000.000 đồng. Cụ thể: bồi thường tiền tổn thất về tài sản là 10.000.000 đồng, tổn thất về tinh thần là 10.000.000 đồng.

- Yêu cầu anh Trịnh Văn H phải trả chi phí định giá tài sản hai lần là 4.700.000 đồng; chi phí giám định tuổi keo là 5.000.000 đồng; chi phí đào gốc keo hai lần lấy lát đi giám định là 1.000.000 đồng

**2. Bị đơn anh Trịnh Văn H trình bày:**

Tháng 5/2013 anh có mua của vợ chồng ông bà Nh, N căn nhà cấp 4 ở tiểu khu 1 và dọn đến đó sinh sống. Cạnh nhà anh có một bãi đất bỏ hoang cỏ dại mọc um tùm. Bà Nh có nói với anh là "vợ chồng mày dọn cỏ đi rồi trồng keo vào đó cho đỡ um tùm, mai này thu hoạch cho bà bao nhiêu thì cho". Vợ chồng anh nghe lời bà Nh nên tháng 6/2014 anh cùng một số anh em, trong đó có chị Trịnh Thu H (chị gái) và anh Nguyễn Văn T (anh rể) cùng nhau phát hoang cải tạo đất. Chị H đi mua cây giống ngoài X về cùng nhau trồng (có hóa đơn mua cây giống kèm theo), số lượng 3000 cây giống, có một số bà con xung quanh biết như gia đình nhà Đ, gia đình T… Đến ngày 08/5/2018 anh làm đơn xin cấp phép khai thác và được sự cấp phép của Ủy ban nhân dân thị trấn L, đến ngày 10/7/2018 anh lập hợp đồng mua bán keo cho anh Lê Văn Tr cùng ở tiểu khu 2 thị trấn L với giá 30.000.000 đồng. Ngày 13/7/2018 anh Tr tiến hành thi công khai thác vườn keo thì vợ chồng ông bà Nh, N cùng chị Phan Thị H trú tại tiểu khu 4 vào gây cản trở thi công không cho anh Tr và công nhân thi công, cả chính quyền tiểu khu cũng có mặt yêu cầu anh và anh Tr dừng việc khai thác để Ủy ban thị trấn giải quyết. Ngày 14/7/2018 ông chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L cùng các cán bộ thị trấn yêu cầu anh và một số bà con sống tại tiểu khu 2 đến nhà văn hóa tiểu khu họp với nội dung xác minh nguồn gốc vườn keo nói trên và tiếp tục yêu cầu anh và anh Tr dừng khai thác vườn keo nói trên để cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Anh và anh Tr đã tạm dừng việc khai thác đó hơn một tháng, không có cơ quan nào tiến hành giải quyết nên các anh lại tiếp tục khai thác. Ngày 17/7/2019 anh nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện L về việc vợ chồng ông bà Nh, N và H khởi kiện đòi anh bồi thường số tiền 200.000.000 đồng và hiện nay là yêu cầu bồi thường 400.000.000 đồng. Yêu cầu này là không có căn cứ, anh không chấp nhận bồi thường. Yêu cầu Tòa án huyện L điều tra xác minh, giải quyết đùng theo quy định của pháp luật (Anh H xác định số keo bị khai thác là 1.307 cây).

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của anh H là anh Lê Văn Tr trình bày: Anh không đồng ý bồi thường tiền keo là 372.495.000 đồng cho bà Nh, ông N, chị H. Đối với chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật anh không có ý kiến gì.

**3. Bị đơn anh Lê Văn Tr trình bày:**

Ngày 17/7/2018 anh nhận được thông báo và giấy triệu tập của Tòa án về việc bà Nguyễn Thị Nh, ông Bùi Văn N, chị Phan Thị H khởi kiện cho rằng anh thông đồng với anh H để chiếm đoạt tài sản và yêu cầu anh bồi thường, anh có ý kiến như sau: Ngày 10/7/2018 anh có mua vườn cây keo của nhà anh Trịnh Văn H ở tiểu khu 2, thị trấn L với giá 30.000.000 đồng, có giấy tờ mua bán viết tay và anh H đã làm thủ tục khai thác do UBND thị trấn L cấp phép ngày 08/5/2018. Theo anh được biết thì vườn keo vợ chồng anh H bán cho anh là theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi mua bán anh đã tiến hành khai thác luôn. Trong khi khai thác thì có anh N, chị Nh, chị H vào cản trở việc khai thác của anh vì cho rằng keo anh mua của anh H là của họ. Chị H đánh anh nên đã phải xin lỗi anh và UBND thị trấn L đã phạt hành chính chị H về tội gây rối trật tự công cộng và có thông báo tạm dừng khai thác keo. UBND thị trấn L ra thông báo tạm dừng khai thác keo đối với anh H chứ không phải đối với anh, tuy nhiên anh vẫn dừng khai thác keo để giải quyết tranh chấp, anh dừng hơn một tháng không thấy ai giải quyết nên anh tiếp tục khai thác. Anh khai thác được khoảng 45 tấn keo, keo để lâu bị hỏng nên khi bán anh lỗ khoảng 5.000.000 đồng. Anh thấy việc ông N, bà Nh, chị H yêu cầu anh bồi thường số tiền 20.000.000 đồng là không có căn cứ, anh không đồng ý.

**4. Bị đơn ông Hoàng Văn L trình bày:**

Do nhu cầu khai thác keo của công dân, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình ngày 08/5/20218 tôi có ký giấy phép khai thác keo và bản kê khai lâm sản khai thác cho ông Trịnh Văn H (các văn bản được công chức chuyên môn tham mưu lập và trình ký). Đến ngày 13/7/2018 UBND thị trấn nhận được đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị Nh ở tiểu khu 4, thị trấn L đề nghị kiểm tra việc khai thác vườn keo của ông H, bà Nh cho rằng vườn keo đó là do bà trồng. Ngay sau khi nhận được đơn ngày 14/7/2018 trực tiếp ông cùng các đồng chí công chức chuyên môn phối hợp cùng chính quyền địa phương và các bên liên quan tiến hành xác minh làm rõ nội dung đơn đề nghị của bà Nh. Qua buổi làm việc UBND thị trấn L thấy đây là vụ việc phức tạp chưa xác định cụ thể được người (chủ) trồng cây keo nên UBND thị trấn đã ban hành Thông báo số 26 ngày 16/7/2018 và Thông báo số 36 ngày 31/8/2018 về việc tạm dừng khai thác vườn keo và hướng dẫn các bên liên quan gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện L để được xem xét giải quyết. Khi ông cấp phép ông không biết việc vườn keo xin

cấp phép đang có tranh chấp giữa bà Nh và anh H. Nay bà Nh yêu cầu ông bồi thường số tiền 80.000.000 đồng, ông không đồng ý.

**5. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị M trình bày**: Năm 2013 vợ chồng anh chị (chồng chị là Trịnh Văn H) mua một ngôi nhà cấp 4 của bà Nguyễn Thị Nh tại Tiểu khu 2 bên cạnh khu đất tái định cư. Sau khi chuyển về sống tại ngôi nhà này, thấy khu đất tái định cư bỏ hoang nên vợ chồng anh chị bàn nhau phát cỏ và trồng keo vào khoảng tháng 6/2014, trồng khoảng 1.500 cây, chị cùng chị H mua giống nhiều lần tại X của gia đình chị H, cây cao khoảng 60cm. vợ chồng anh chị cùng vợ chồng chị H trồng keo trong khoảng thời gian một tuần. Vợ chồng anh chị trồng chung với vợ chồng chị H với thỏa thuận khi thu hoạch thì chia đôi lợi nhuận. Chi phí bỏ ra khoảng 2.000.000 đồng. Diện tích trồng khoảng 01 ha. Khi anh chị mua nhà bà Nh và chuyển đến ở, bà Nh có bảo anh chị trồng keo tại khu đất bỏ hoang tái định cư, bà Nh còn  bảo khi bán keo cho tao bao nhiêu thì cho. Chị nghĩ do bà Nh thấy anh chị bán keo không cho bà Nh tiền nên bà Nh khởi kiện.

Tháng 10/2017 chị có khai thác 06 cây keo trước cửa nhà chị. Tháng 7/2018 vợ chồng anh chị bán toàn bộ vườn keo cho anh Tr với giá 30.000.000 đồng. Anh Tr khai thác toàn bộ diện tích khoảng hơn 1.000 cây. Trước khi trồng keo thì vợ chồng anh chị và vợ chồng chị H phải phát cỏ, đánh mốc giới hạn, phun thuốc diệt cỏ để tạo mặt bằng sau đó cuốc hố và trồng keo. Ngoài hai vợ chồng anh chị và vợ chồng chị H còn có vài người thợ của anh H làm giúp.

Chị không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của chị M là anh Lê Văn Tr trình bày: Anh không đồng ý bồi thường tiền keo là 372.495.000 đồng cho bà Nh, ông N, chị H.

**6. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thu H trình bày**: Năm 2013 vợ chồng em trai chị (H) mua 01 ngôi nhà cấp 4 của bà Nguyễn Thị Nh ở gần khu tái định cư bỏ hoang. Thấy đất bị bỏ hoang nên vợ chồng H rủ vợ chồng chị (chồng chị là anh Nguyễn Văn T) phát cỏ, đánh mốc giới hạn và trồng 1 vườn keo tại khu tái định cư nêu trên. Chúng tôi thoả thuận cùng góp vốn, góp công và cùng chăm sóc khi thu hoạch thì chia đôi mỗi nhà một nửa. Chúng tôi trồng keo vào khoảng tháng 5-6/2014, trồng khoảng 1 tuần, số lượng cây giống khoảng 3.000 cây, chị trực tiếp đi mua cây giống tại X, chất lượng cây giống tốt, cây cao khoảng 30-40cm kể cả bầu. Trong thời gian trồng keo, H có nhờ thêm mấy người thợ trồng giúp nhưng chị không biết tên là gì, khi trồng keo xung

quanh đó có các hộ đã trồng cây đang phát triển, tuy nhiên do không phải là dân ở đó nên chị không biết là ai. Chị không biết diện tích trồng keo bao nhiêu. Vợ chồng chị và gia đình nhà H, M không thuê hay nhờ vợ chồng chị H làm việc gì, việc chị trồng keo có vợ chồng nhà Đ chứng kiến. Nguyên nhân dẫn đến sự việc tranh chấp là do mâu thuẫn tình cảm giữa vợ chồng H và bà Nh, cụ thể như thế nào chị không biết. Khi bán vườn keo cho anh Tr, H có thông báo cho vợ chồng chị, H bán với giá 30.000.000 đồng, anh Tr khai thác được hơn 1.000 cây. Chúng tôi mua 3.000 cây keo giống nhưng thu hoạch được hơn 1.000 cây do quá trình trồng có cây bị chết, có cây còi cọc chúng tôi đã tỉa đi.

Vườn keo tranh chấp là của vợ chồng chị (H- T) và vợ chồng H. Chị thấy nguyên đơn khởi kiện là không đúng, chị đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

**7. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày**: Đầu tháng 6/2014 công trường không thi công được do trời mưa nên anh về nghỉ ở nhà. Vợ anh là chị H có bảo anh cùng vợ chồng H - M trồng chung nhau vườn keo trên đất khu tái định cư sân gôn trước cửa nhà H - M. Có anh H ở Lào Cai và em L cùng nhau phát hoang. Sau đó vợ anh đi mua cây giống ở X về cùng nhau trồng thời gian hết khoảng 1 tuần. Vợ chồng anh thoả thuận cùng H - M là trồng chung nhau, vợ chồng em H có trách nhiệm trông coi và chăm sóc, đến khi thu hoạch thì chia đôi, vợ chồng anh bỏ tiền mua giống cây, vợ chồng em H bỏ tiền mua phân bón.

**8. Người làm chứng ông Dương Tấn T (Tiểu khu 2) cho biết**: Nhà ông có trồng keo trên khu đất tái định cư, ngoài gia đình ông còn có một vài hộ gia đình nữa trong đó có gia đình chị Nh. Khi vườn keo nhà ông đã lên ổn định ông thấy vợ chồng chị Nh phát cỏ, đào hố trồng keo, trong thời gian nhà chị Nh trồng keo có thuê thêm 1 số người nữa vì tôi thấy có một số người lạ cùng làm với vợ chồng chị Nh, chưa bao giờ nhìn thấy vợ chồng anh H phát cỏ trồng keo tại vườn đó bao giờ. Theo ông thì vườn keo này được trồng vào năm 2012, vườn này trồng sau vườn nhà ông vài tháng. Khi vợ chồng anh H vào sinh sống thì tại khu tái định cư vườn keo đã kín hết, không còn diện tích đất thừa đất trống nào.

**9. Người làm chứng ông Cao S (Tiểu khu 2) cho biết:** Ông có vườn cây giáp ranh giới với vườn cây nhà bà Nh đang tranh chấp. Còn nhà ở của ông cách vườn keo của bà Nh khoảng 180-200m. Nhà của ông ở tại đây đã lâu từ năm 2007-2008. Sau đó ông có thấy bà Nh vào làm nhà, ông còn được san nền giúp bà Nh. Sau khi làm nhà xong ông thấy vợ chồng bà Nh phát cỏ ngay bên cạnh

nhà cạnh vườn keo của ông để trồng keo, thời gian trồng vào khoảng 2012-2013. Sau đó ông thấy cả vợ chồng anh H trồng cây, ông không biết trồng chung hay trồng thuê, trồng giúp cho bà Nh. Thời gian trồng khoảng nửa tháng đổ lại. Sau khi cây đã sinh sống ổn định ông thấy ông N thường xuyên vào chăm sóc. Theo ông vườn keo là của nhà bà Nh vì trong thời gian keo sinh trưởng ông thường xuyên thấy ông N vào chăm sóc, tỉa cành, khi cây được 4-5 năm tuổi ông thấy ông N là người tỉa cây bán làm củi, ông không thấy vợ chồng anh H tham gia lần nào.

**10. Người làm chứng anh Nguyễn Văn T (Tiểu khu 11) cho biết**: Năm 2012 anh được vợ chồng bà Nh thuê phát cỏ, cuốc hố trồng keo tại khu đất tái định cư ở tiểu khu 2. Quá trình anh làm thuê thì anh thấy có mặt anh H một hai lần tại vườn keo nhưng không thấy vợ chồng anh H làm. Ngoài ra trong hai năm (2015, 2016) anh được vợ chồng bà Nh thuê cắt tỉa cây keo tại vườn keo đó. Anh và anh H cắt còn anh T là người chở keo đi bán. Quá trình cắt tỉa anh không thấy ai đến ngăn cản. Theo anh thì vườn keo trên là của vợ chồng bà Nh.

**11. Người làm chứng anh Đinh Anh T (xóm N, T) cho biết:** Anh được vợ chồng bà Nh thuê phát cỏ, tỉa keo làm ba đợt khi cây keo khoảng 2 năm tuổi, chỉ có bà Nh ra vườn giám sát và chỉ ranh giới, ngoài ra không còn ai làm khác. Bà Nh trồng dày keo nên keo không phát triển được nên phải tỉa keo. Trong khi anh phát tỉa keo không có ai cản trở. Theo anh thì vườn keo trên là của vợ chồng bà Nh.

**12. Người làm chứng bà Bùi Thị L (xóm C, C) cho biết:** Tháng 12/2012 vợ chồng tôi (L- R) có được vợ chồng bà Nh thuê trồng keo tại khu đất tái định cư tại Tiểu khu 2, ông bà làm thuê một tháng, khi trồng keo chỉ có vợ chồng bà Nh, vợ chồng tôi và anh T, ngoài ra không còn ai khác. Thời điểm bà trồng thuê cho bà Nh, bà thấy thỉnh thoảng có anh H đến chơi xem chúng tôi trồng chứ không tham gia bất cứ công việc gì. Bà không thấy hay gặp chị M lần nào. Bà không biết bà Nh có trồng chung với ai hay không. Thời điểm vợ chồng bà làm thuê cho bà Nh, ông bà được bà Nh nấu cơm cho ăn cả ngày và ngủ tại nhà cấp 4 ở Tiểu khu 2 ngay cạnh vườn keo, sau này bà được biết bà Nh bán lại nhà cho anh H.

**12. Người làm chứng anh Cù Ngọc T (Tiểu khu 2) cho biết:** Năm 2016, 2017 tôi được bà Nh thuê vào chở keo tại vườn keo khu tái định cư, tôi chở keo ra Bãi L để bán, tôi chạy khoảng 2-3 chuyến chủ yếu là cây keo tự đổ, cây chặt. Khi tôi chở keo tôi chỉ thấy vợ chồng bà Nh và một người làm thuê cho chị Nh

là anh T, ngoài ra tôi không thấy ai nữa, không ai ngăn cản hay có ý kiến gì về việc vợ chồng bà Nh tỉa keo. Tháng 10/2018 bà Nhã bán cho anh khoảng 100 cây keo tại vườn mà anh H, anh Tr khai thác còn sót lại, số cây keo anh mua khoảng 7 năm tuổi. Khi anh cắt và vận chuyển keo mang đi anh không thấy anh H, anh Tr hay người nào khác ngăn cản. Hiện tại tại vườn còn khoảng 6-7 cây. Anh không biết vườn keo do ai trồng, nhưng mỗi lần anh vào chở keo do bà Nh cắt tỉa không thấy ai ra ngăn cản anh và vợ chồng bà Nh.

**13. Người làm chứng chị Lưu Thị T (Tiểu khu 2) cho biết**: Vườn keo của chị giáp ranh với vườn keo đang tranh chấp. Năm 2010 gia đình chị trồng keo thì chưa có vườn keo đang tranh chấp. Chị không biết vườn keo đang tranh chấp là của ai, nhưng trước đây chị có nhìn thấy ông N đi phát cỏ ở vườn keo đất, còn ai trồng keo thì chị không biết.

**14. Người làm chứng chị Bùi Thị L (Tiểu khu 2) cho biết**: Vườn keo của chị tiếp giáp với vườn keo đang tranh chấp. Chị thấy vườn keo đang tranh chấp có cả nhà bà Nh và anh H cùng trồng, có việc trồng thuê hay thoả thuận thế nào chị không rõ, thời gian trồng chị không rõ.

**15. Người làm chứng anh Trần Văn Đ (Tiểu khu 2) cho biết:** Vườn keo là của ai tôi không biết, nhưng do là bạn anh H nên tôi hay vào chơi và tôi có thấy vợ chồng anh H cùng vợ chồng chị H phát cỏ, trồng keo. Ngoài 4 người trên thì tôi còn thấy một hai người bạn anh H trồng giúp. Anh có thấy bà Nh vào vườn keo liên tục nhưng còn việc vợ chồng bà Nh có trồng keo hay không tôi không biết. Anh thấy vợ chồng anh H, vợ chồng chị H làm rất lâu vì vừa phải phát cỏ, đánh lau, vừa trồng nêm mất rất nhiều thời gian. Anh không biết anh H mua nhà bà Nh thời gian nào, chỉ thấy vợ chồng anh H chuyển vào nhà bà Nh ở và trồng keo luôn. Anh H trồng keo mới từ đầu, anh là người trực tiếp nhìn thấy.

**16. Người làm chứng anh Mã Tấn H (Lào Cai) cho biết:** Khoảng tháng 6/2014 anh đi làm khoan đá nổ mìn do anh Hưng làm tổ trưởng tại công trình ở huyện M, Lai Châu. Vào mùa mưa nên không thi công được nên đội khoan tạm nghỉ, anh cùng với một số anh em công nhân về nhà H tại Tiểu khu 2 chơi. Anh H có nhờ anh và em L, cùng vợ chồng chị H cùng phát dọn cỏ dại và đào hố trồng cây, thời gian làm khoảng một tuần. Sau khi hết việc anh ở lại chơi cùng vợ chồng anh H mấy hôm sau đó anh về Lào Cai.

**17. Người làm chứng anh Phạm Quang Đ, chị Sỹ Thị N, anh Kiều Doãn Đ, chị Kiều Thị N, chị Lương Thị G, vợ chồng chị Mai Thị G và anh Trần Văn P, chị Nguyễn Thị M, anh Lương Minh V, chị Bùi Thị L, ông Bùi**

**Đăng L, anh Nguyễn Công C, anh Nguyễn Thành K, anh Nguyễn Văn B, vợ chồng anh Trần Văn Đ và chị Bùi Thị L, anh Phạm Quang Đ (cùng trú tại Tiểu khu 2) đều xác nhận:** Việc vợ chồng anh H chị M cùng anh T, chị H và một số anh em công nhân của anh H có trồng và chăm sóc vườn keo thuộc khu tái định cư tại Tiểu khu 1 (nay là Tiểu khu 2) từ năm 2014 đến năm 2018 thì khai thác (giấy xác nhận do anh Trịnh Văn H cung cấp cho Toà án).

**18. Người làm chứng chị Phạm Thị P (thị trấn X) cho biết:**

Năm 2012 chị có bán cây keo giống cho bà Nh, chị có được ký xác nhận bán cây keo giống cho bà Nh (tuy nhiên nay số điện thoại chị đã thay đổi). Chị bán khoảng 2.000 cây keo, chất lượng tốt, cao khoảng 40-50cm, đã có 3-4 lá kể cả lá gốc, với giá tiền 1.200.000 đồng. Năm 2012 chị chỉ bán cây keo cho bà Nh còn các loại cây khác thì bà Nh mới mua mấy năm nay.

**19. Người làm chứng anh Vũ H cho biết cho biết:** Ngày 21/11/2019 anh là người được bà Nh thuê đào gốc cây keo và cắt khúc gỗ keo để Tòa án thu giữ mẫu vật mang đi giám định, sau đó vận chuyển mẫu vật đến Tòa án huyện L với giá 500.000 đồng

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 29/12/2021 Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình đã quyết định: Căn cứ Điều 221, 222; 584, 585, 589, 592 Bộ luật dân sự; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, 161, 165 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

- Xác định vườn keo tại khu đất đất tái định cư thuộc Tiểu khu 1 (nay là tiểu khu 2), thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình đang tranh chấp thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Nh, ông Bùi Văn N và chị Phan Thị H.

- Buộc anh Trịnh Văn H phải bồi thường số tiền bán keo cho bà Nguyễn Thị Nh, ông Bùi Văn N và chị Phan Thị H là 63.279.000 đồng (Sáu mươi ba triệu hai trăm bảy chín nghìn đồng).

- Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Nh, ông Bùi Văn N và chị Phan Thị H về việc yêu cầu anh Lê Văn Tr bồi thường tinh thần, danh dự nhân phẩm là 20.000.000 đồng (Hai mười triệu đồng), yêu cầu ông Hoàng Văn L bồi thường tài sản, tinh thần là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền thi hành án, nghĩa vụ hoàn trả, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, anh Trịnh Văn H có đơn kháng cáo một phần bản án; về phần phải bồi thường tiền bán keo cho các nguyên đơn; tiền chi phí giám định; tiền định giá tài sản và tiền án phí.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn ông Bùi Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý phần bồi thường thiệt hại vườn keo trị giá 63.279.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên nội dung kháng cáo:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Nêu tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm, phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, nêu trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm các đương sự không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ gì mới, chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các nguyên đơn khởi kiện, các bị đơn Anh Trịnh Văn H, anh Lê Văn Tr; Cư trú tại: tiểu khu 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; ông Hoàng Văn L công tác tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình Bình, theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình thụ lý là đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

**[2] Về nội dung:**

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguồn gốc khu đất tái định cư trước đây là của Nông trường C. Năm 2005 UBND huyện L thu hồi để làm khu tái định cư sân gôn. Sau khi thu hồi, UBND huyện san ủi mặt bằng. Tuy nhiên khi dự án không thực hiện nữa thì khu đất tái định cư bị bỏ hoang nên các hộ xung quanh khu đất tự ý vào phát cỏ trồng cây

các loại, bà Nh, ông N, chị H trình bày vườn keo đang tranh chấp do ông bà trồng từ cuối năm 2012, trồng làm hai đợt, đợt một cuối năm 2012, đợt hai vào mùng 4 tết, số lượng keo giống khoảng 1.500 cây. Khi ông bà và chị H trồng keo thì các hộ liền kề như hộ ông Cao S, hộ ông Dương Tấn T đã trồng kín keo. Quá trình chăm sóc bà Nh, ông N có thuê anh Nguyễn Văn T chăm sóc. Việc ông bà trồng keo được rất nhiều người biết như anh Cù Ngọc T, ông Dương Tấn T, ông Cao S, anh Nguyễn Văn T, anh Đinh Văn T, bà Bùi Thị Thị L…

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, các lời khai của các đương sự thể hiện diện tích đất trồng keo đang tranh chấp thuộc khu tái định cư sân gôn P ở tiểu khu 2, thị trấn L. Việc các hộ dân tự phát trồng cây, đồng thời chính quyền địa phương không nắm được có bao nhiêu hộ trồng cây ở đây, trồng các loại cây gì. Do đất đã có quyết định thu hồi nên do UBND thị trấn quản lý, tuy nhiên hồ sơ, mốc giới UBND huyện chưa bàn giao lại.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất về tổng số cây đã bị chặt phá là 1307 cây. Kết quả định giá ngày 09/7/2021 và văn bản đính chính ngày 10/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản thì số keo trên có giá là: 63.279.000 đồng, sau khi có kết quả định giá về thiệt hại tài sản, các đương sự không có ý kiến hay khiếu nại về kết quả định giá. Do vậy cấp sơ thẩm quyết định theo kết quả định giá của Hội đồng để buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp. Tại phiên tòa nguyên đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì về yêu cầu của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Văn H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh Trịnh Văn H cho rằng vườn keo đang tranh chấp với bà Nh, ông N, chị H là của vợ chồng anh và vợ chồng chị H, T trồng từ tháng 6/2014. Chị H là người đi mua giống keo với số lượng keo giống khoảng 3.000 cây. Khi các anh chị trồng cây có một số hộ gia đình tại tiểu khu 2, thị trấn L chứng kiến như: anh Trần Văn Đ, anh Mã Tấn H, anh Phạm Quang Đ, chị Sỹ Thị N…

Các đương sự bà Nh, ông N, chị H, anh H đều đưa ra được những tài liệu chứng cứ, cũng như người làm chứng để chứng minh cho việc họ là chủ sở hữu của vườn keo đang tranh chấp. Các nguyên đơn cho rằng vườn keo gia đình mình trồng năm 2012; anh H cho rằng gia đình trồng năm 2014.

Xét thấy tại kết quả giám định số 615/CRN ngày 23/12/2019 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng về giám định tuổi cây keo, kết quả giám định tuổi cây keo kết luận: “Cây keo có tuổi 6 -7 năm”. Việc thu giữ mẫu giám định tuổi

keo được lập thành văn bản và được các bên thống nhất không có ý kiến hay khiếu nại về kết quả giám định.

Xét các lời khai của các nguyên đơn và những người làm chứng phù hợp với thời gian vườn keo đang tranh chấp được trồng từ cuối năm 2012, đến ngày 13/7/2018 thì bắt đầu bị khai thác, phù hợp với kết quả giám định về tuổi cây keo, do vậy có căn cứ xác định vườn keo đang tranh chấp là của các nguyên đơn và được quyền sử dụng.

Bị đơn anh H cho rằng keo anh trồng tháng 6/2014 như vậy đến thời điểm anh Tr khai thác (13/7/2018) thì keo mới có hơn 4 tuổi là không phù hợp với kết quả giám định.

Như vậy, việc các nguyên đơn Nguyễn Thị Nh, Bùi Văn N, Phan Thị H đề nghị Tòa án xác định vườn keo đang tranh chấp là của các ông bà là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Xét kháng cáo về số tiền chi phí định giá và chi phí giám định: Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm phải ra quyết định định giá, quyết định trưng cầu giám định để có kết quả giải quyết vụ án. Theo quy định tại Điều 161, 165 Bộ luật tố tụng dân sự, dẫn chiếu về nghĩa vụ chịu chi phí giám định và chi phí định giá. Do yêu cầu của bà Nh, ông N, chị H được chấp nhận nên người không được chấp nhận yêu cầu phải chịu các chi phí này.

Xét kháng cáo về phần án phí: Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định của pháp luật, nghĩa vụ chịu án phí do các đương sự phải chịu, đây là khoản nghĩa vụ đối với nhà nước do yêu cầu của mình không được chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ kiện và ra phán quyết là có căn cứ đúng pháp luật, phía bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX buộc anh Trịnh Văn H phải bồi thường số tiền keo đã khai thác cho bà Nh, ông N, chị H là 63.279.000 đồng (theo như Biên bản định giá ngày 09/7/2021 và văn bản đính chính ngày 10/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện L) là có căn cứ.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần  nên anh Trịnh Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 63.279.000 đồng.

Đối với phần bồi thường không được chấp nhận, các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên bà Nh là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, căn cứ vào Nghị quyết số 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án, miền cho bà Nh phần án phí mà bà phải nộp, ông N, chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn N; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trịnh Văn H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể:

Căn cứ Điều 221, 222, 584, 585, 589, 592 Bộ luật dân sự; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 161, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

- Xác định vườn keo tại khu đất đất tái định cư thuộc Tiểu khu 1 (nay là tiểu khu 2), thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình đang tranh chấp thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Nh, ông Bùi Văn N và chị Phan Thị H.

- Buộc anh Trịnh Văn H phải bồi thường số tiền bán keo cho bà Nguyễn Thị Nh, ông Bùi Văn N và chị Phan Thị H là 63.279.000 đồng (Sáu mươi ba triệu hai trăm bảy chín nghìn đồng).

- Bác yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Nh, ông Bùi Văn N và chị Phan Thị H về việc yêu cầu anh Lê Văn Tr bồi thường tinh thần, danh dự nhân phẩm là 20.000.000 đồng (Hai mười triệu đồng), yêu cầu ông Hoàng Văn L bồi thường tài sản, tinh thần là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải thực hiện thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc anh Trịnh Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền chi phí định giá tài sản là 4.700.000 đồng, chi phí giám định tuổi keo là 5.000.000 đồng; chi phí đào gốc keo hai lần lấy thớt keo đi giám định là 1.000.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Trịnh Văn H phải chịu 3.164.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003335 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Bà Nguyễn Thị Nh là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Nghị quyết số 326 của UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án, miễn cho bà Nh phần án phí mà bà phải nộp.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 5.500.000 đồng theo biên lai số 0002285 ngày 11/6/2019 Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình

Chị Phan Thị H phải nộp 7.980.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Bùi Văn N phải nộp 3.990.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0003337 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 26/8/2022.

**Nơi nhận:**
- TANDCC tại Hà Nội
- VKSNDCC tại Hà Nội:
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Mạnh Hùng**